TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 118 /2019/QĐST-HNGĐ	Bố Trạch, ngày 23 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2019, giữa:

Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 039, lô B, cư xá T, phường 27, quận B, Thành phố H.

Bị đơn: Nguyễn Ngọc T,sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 039, lô B, cư xá T, phường 27, quận B, Thành phố H.

Nơi tạm trú: Tiểu khu 9, thị trấn H, huyện B, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 15 tháng 7 năm 2019, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 15 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa: *Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Ngọc T;*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh T và chị H thỏa thuận thống nhất giao con Nguyễn Gia L, sinh ngày 19/01/2016 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T và chị H thỏa thuận thống nhất chị H không phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Cấm anh T ngăn cản chị H thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con khi có một trong các căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

-Về tài sản chung và công nợ: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí**:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án**,** án phí vụ kiện ly hôn 150.000đ(Một trăm năm mươi ngàn đồng) chị H thỏa thuận, tự nguyện nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) chị H đã nộp theo biên lai số 0003179 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Chị H được nhận lại 150.000đ(Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
-VKS huyện BốTrạch(2 bản);
- Anh Nguyễn Ngọc T;
- Chị Trần Thị H;
- Chi cục T.H.A DS huyện Bố Trạch;
-UBNDphường27,quậnB, TPH(Để biết);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân